

**32-GIỚI ẪN NHIỀU LẦN TRONG NGÀY**

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nông dân ở trong vườn của Tăng cứ hằng năm bắt đầu mùa lúa chín thì cúng dường trai phạn cho chúng Tăng.

Thế nào là hằng năm bắt đầu mùa lúa chín? Đó là lúc lúa tẻ chín, lúa mạch chín, lúc thu hoạch đậu xanh, lúc thu hoạch đậu phụng, mía v.v... Nông dân đều trích ra mỗi thứ một ít để dâng cúng dường cho chư Tăng.

Khi đó, nông dân nói với Tỳ-kheo: “Hằng năm cứ bắt đầu mùa gặt hái thì tôi đều cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Nếu tại Tinh xá Kỳ-hoàn ngày nào không có người cúng dường thì xin thầy nói cho tôi biết, tôi sẽ cúng dường để chúng Tăng ăn uống no đủ”.

Bấy giờ, tại đây các cư sĩ tín tâm cúng dường các thức ẩm thực theo lịch trình trước sau, nhưng trong đó có một ngày không có cúng dường. Do đó, sứ giả đến nói với người nông phu: “Lão trưởng, ngày mai tại Kỳ-hoàn không có ai cúng dường, trước đây ông đã hứa cúng thì dịp này là đúng lúc”.

Nông phu nghe xong liền đi đến Kỳ-hoàn, cúi đầu đảnh lễ chân chư Tăng, quì chân phải xuống đất, chấp tay bạch: “Con là nông dân Mỗ giáp, ngày mai thiết trai cúng dường, xin tất cả chúng Tăng nhận lời mời của con”.

Chúng Tăng bèn nhận lời mời. Thế rồi lúc ấy có một trưởng giả dùng năm trăm đồng tiền cũ mua được hai con bò, ông muốn thử xem sức nó thế nào, bèn mắc nó vào xe, đánh cho chạy lui chạy tới trong phạm vi một do-diên. Vì cái ách xe quá chặt nên một con bò bị chết, ông hết sức khổ não, đứng đập ngực than trách: “Vì sao ta mua bò với một giá đắt chưa dùng được mà đã chết thế này”.

Bỗng có một người quen biết với cư sĩ liền hỏi ông: “Vì sao ông buồn bã như vậy?”.

Cư sĩ bèn trình bày tường tận sự việc kể trên. Ông bạn liền hỏi: “Vì sao ông không làm kiên pháp?”.

- Kiên pháp là thế nào?

- Kiên pháp nghĩa là ông đến Kỳ-hoàn mời chư Tăng về nhà mổ thịt con bò kia làm cơm cúng dường chư Tăng.

Ông nghe xong liền đi đến Kỳ-hoàn, vào phòng cúi đầu đảnh lễ chân chư Tăng, rồi quỳ gối chấp tay nói như sau: “Con là Mỗ giáp, ngày mai xin mời chư Tăng về nhà để con cúng dường một bữa cơm đạm bạc. Mong chư Tăng nhận lời mời của con”.

Lúc đó có một Tỳ-kheo vốn là chỗ quen biết cũ với ông, liền đến bảo: “Ông chưa biết cách mời. Vì sao không nói trước với tôi để tôi chỉ cho ông cách mời chúng Tăng?”

Ông liền phân bùa: “Thưa thầy, tôi đem năm trăm đồng tiền cũ mua được hai con bò, nhưng một con bị chết, nay tôi muốn dùng thịt nó để cúng dường chúng Tăng”.

- Nhưng chúng Tăng đã nhận lời mời của người khác rồi.

- Tôi đã sắm sửa thức ăn rồi bây giờ phải làm sao?

- Giờ tôi bày ông trở lại bạch với chúng Tăng như sau: “Con mời chư Tăng ngày mai đến nhà con thọ trai”. Nếu tăng hỏi ông đã sắm những thức ăn gì thì ông phải đáp: “Đã sửa soạn bún, cơm, thịt”.

Khi được dặn bảo xong, ông liền trở lại chỗ chúng Tăng, cúi đầu đánh lễ dưới chân, quỳ gối, chấp tay, nói như sau: “Con là Mỗ giáp, xin mời chư Tăng ngày mai đến nhà con thọ trai, mong chư tăng hãy nhận lời mời của con”.

Các Tỳ-kheo hỏi: “Ông đã sắm sẵn những thức ăn gì?”.

- Con đã làm bún, cơm, thịt.

- Lão trưởng, ngày mai ông hãy chuẩn bị cho sẵn sàng.

- Thưa vâng, xin chư Tôn giả sáng mai hãy đến sớm.

Thế rồi ông trở về nhà, suốt đêm kho nấu thịt và các thức ẩm thực, lúc sáng sớm bèn trải giường nệm, lọc nước sạch, rồi đến bạch với chúng Tăng: “Đã đến giờ”.

Chư tăng bèn khoác y, cầm bát đi đến nhà ông, ngồi theo thứ lớp. Người đàn-việt liền dọn lên thức ăn ngon lành, chư Tăng ăn uống no nê rồi trở về Tinh xá.

Đoạn nói về người nông phu kia suy nghĩ: “Các thầy là những người ngày ăn một bữa, nên cần phải ăn sớm”. Do đó, suốt đêm ông sửa soạn các thức ẩm thực, rồi trải giường nệm, lọc nước sạch, xong xuôi bèn đi đến Kỳ-hoàn, cúi đầu đánh lễ chân chư Tăng, quỳ gối, chấp tay, bạch: “Đã đến giờ rồi”.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vì mới ăn uống no nê, nên tuy thấy ông ấy đến mời mà tựa hồ như không nghe. Ông ta liền suy nghĩ: “Kỳ thay! Kỳ thay! Các thầy là những người ăn ngày một bữa, lẽ ra thường cảm thấy đói, vì sao nghe mời thọ trai mà tựa hồ như không nghe! Nếu ngoại đạo mà nghe mời thọ trai thì họ liền cầm gậy có ba nấc và bình nước đi ngay lập tức”. Ông tán thán như vậy đến lần thứ hai thứ ba thì các Tỳ-kheo mới đứng dậy, thông thả, đi đại tiểu tiện, mở lỏng dây lưng, sửa lại oai nghi, ung dung đi đến nhà ông, ngồi theo thứ tự.

Bấy giờ, người nông dân liền tự tay dọn thức ăn, múc đầy giá đưa Thượng tọa thì Thượng tọa đưa tay ra dấu chỉ dùng một ít. Người nông dân liền nói: “Các thầy là những người ăn mỗi ngày một bữa mà sao đối với các thức ăn này đều không tỏ ra thích thú”.

Rồi ông thâm nhủ: “Nếu Thượng tọa ăn ít thì Hạ tọa phải ăn nhiều và đệ nhị, đệ tam Hạ tọa cho đến những Tỳ-kheo trẻ tuổi (phải ăn nhiều

hơn nữa)”. Thế rồi, ông nói: “Thầy là người ăn ngày một bữa mà sao đối với các thứ ẩm thực này không thấy thầy thích thú chút nào”. Lúc ấy trong hàng Hạ tọa có một người mới tu, lắm cảm, liền nói như sau: “Hôm nay chúng tôi không phải vì ăn mà đến đây, do vì chiều ý ông mà đến. Bởi lẽ chúng tôi ăn uống ở chỗ khác no nê rồi. Nếu không tin ông hãy xem chân tôi còn có dấu mỡ dính đây này”.

Người nông dân nghe thế trong lòng không vui, liền vứt nổi thức ăn xuống đất hậm hực nói: “Các thầy đã nhận lời mời của tôi trước rồi, vì sao lại đi ăn ở chỗ khác?”. Trong lòng mang niềm oán hận, ông bèn đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi đứng sang một bên, bạch với Phật: “Vì sao các Tỳ-kheo nhận lời của con trước rồi mà lại thọ trai ở chỗ khác?”. Phật liền tùy nghi thuyết pháp cho nông dân này, khuyên bảo chỉ dạy, khiến ông vui vẻ, ông bèn bạch Phật: “Bạch Thế tôn! Những thực phẩm con cúng dường chúng Tăng dư thừa nên bỏ chỗ nào?”.

Phật dạy: “Ông đến bên hồ Mỗ giáp kia, quét sạch đất trên bờ hồ, rồi mang thức ăn còn dư đến bỏ tại đó. Vì lúc này vua Ba-tư-nặc đánh nhau với quân Nhĩ-ni-sát-lợi không thắng nổi nên kéo quân về đang đồn trú tại đó. Ông có thể đem thức ăn kia dâng cho nhà vua. Vì vua mới xuống hồ tắm rửa và thay y phục mới”. Vâng lời Phật dạy, ông bèn đem các thức ăn kể trên đến dâng cho nhà vua và các tướng sĩ. Vì trong lúc đang đói khát mà được các thức ăn ngon lành nên họ ăn rất hoan hỷ. Do đó nhà vua bèn ra lệnh ban thưởng cho ông các thứ châu báu. Ông được lợi ích trước mắt nên sung sướng vô cùng.

Thế rồi, Phật bèn bảo gọi các Tỳ-kheo thọ trai kia đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: “Vì sao các ông nhận lời mời của người ta trước rồi mà lại thọ trai ở chỗ khác? Nay các Tỳ-kheo, các ông không biết sao? Ví như người ta thờ thần nhà, thần cây, nếu các thần muốn đi đâu thì trước hết phải ăn thức ăn của chủ nhà cúng rồi mới đi tới chỗ khác. Các ông đã làm một việc không thuận với nhân tình, trước đã nhận lời mời của người ta rồi mà đi thọ trai ở chỗ khác. Từ nay về sau Ta không cho phép các Tỳ-kheo muốn ăn đâu thì ăn”.

Lại nữa khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Đức Thế Tôn vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng ốc các Tỳ-kheo một lần.

Bồng Ngài thấy có Tỳ-kheo đang bệnh, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi: “Này Tỳ-kheo, ông đau bệnh gì? Lúc này bớt hay nặng thêm?”.

- Con đang đau lắm không giảm bớt. Trước đây con được ăn thường xuyên nên thân thể yên ổn. Từ khi Thế Tôn chế giới không được ăn lật vật nên bệnh con không thuyên giảm.

- Từ hôm nay Ta cho phép các Tỳ-kheo khi có bệnh được ăn mỗi

ngày nhiều lần.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu cứ hằng năm mời chư Tăng thọ trai và dâng y. Khi ấy, tại Tinh xá Kỳ-hoàn có sáu mươi Tỳ-kheo đang bệnh, họ đi tới nhà bà Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu thưa: “Thưa quý thầy, Tinh xá Kỳ-hoàn có năm trăm Tỳ-kheo, nay vì sao chỉ có sáu mươi người đến đây?”.

Các Tỳ-kheo nói với bà: “Đức Thế Tôn chế giới các Tỳ-kheo không được phép muốn ăn đâu thì ăn, chỉ trừ những người bệnh, vì thế các Tỳ-kheo bệnh mới đến đây”.

- Thưa quý thầy, người đời mời ăn là việc chính; nếu quý thầy có ăn thức ăn của con thì con mới dâng y; nếu không dùng cơm thì con không dâng y. Thưa quý thầy, trong lần dâng y này các thầy có thể đến bạch với Phật để xin Ngài phương tiện cho phép được chăng?

Các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: “Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu là người thông minh trí tuệ. Từ nay trở đi Ta cho phép khi dâng y (các Tỳ-kheo được phép thọ trai nhiều lần trong một ngày)”.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, một số người đi lạc quyên, định tổ chức một cuộc đại hội cúng dường trai phạn cho những người xuất gia của chín mươi sáu giáo phái, do thế, họ đến nhà người Ưu-bà-tắc lạc quyên các phẩm vật. Người Ưu-bà-tắc liền ra điều kiện: “Nếu ông sắp đặt cho các thầy của tôi được ngồi trên, thì tôi sẽ cho ông phẩm vật”. Người đi lạc quyên nói: “Ông thử nghĩ xem, nếu tín đồ của ngoại đạo cũng nói thế này: “Nếu ông làm cho các thầy của tôi được ngồi trên, thì tôi sẽ cho ông phẩm vật” thì tôi làm sao có thể hứa với mọi người là ai cũng được ngồi trên. Ông chỉ cần cho tôi phẩm vật, để vào ngày đó, tháng đó, tôi sẽ dựng cờ xí, bày biện các cây báu, trải các giường ghế đẹp đẽ tại trên bờ sông A-kỳ, mà mở đại hội cúng dường bữa trai soạn với những món ngon vật lạ, rồi trong số những người xuất gia hễ ai đến trước thì ngồi trên”.

Các Ưu-bà-tắc nghĩ rằng Phật, Tăng là ruộng phước tốt nên đưa phẩm vật cho người đó, rồi đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cúi đầu đánh lễ dưới chân, bạch đầy đủ sự việc kể trên và thêm: “Tôn giả phải làm cách nào để cho các Tỳ-kheo được ngồi trên, khiến cho bọn ngoại đạo bị sỉ nhục một phen”.

Tôn giả A-nan liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên, đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Thế rồi, khi ấy những người đi lạc quyên sắm sửa các thực phẩm xong xuôi, bèn mời những người xuất gia của chín mươi sáu giáo phái, đồng thời mời vua Ba-tư-nặc và quần thần, thái tử cùng đến dự. Các vị thôn trưởng, các trưởng giả kỳ túc và những người chủ xưởng, khi đến giờ đều quy tụ

về trên bờ sông A-kỳ để tham dự đại hội.

Trước đại hội một ngày Phật nói với Mục-liên: “Ông phải biết đúng thời”. Tôn giả Mục-liên liền dùng thần túc làm cho nước sông nổi sóng cuộn cuộn, đầy những bọt bèo tràn ngập đến bờ. Các ngoại đạo đều nói như sau: “Ta phải qua sông trước để lấy được chỗ ngồi thứ nhất”. Thế rồi suốt đêm họ tranh nhau chèo thuyền bè để mong qua sông trước nhất, nhưng vì bị nước chảy dốc nên muốn qua bờ mà thuyền cứ trôi giạt trở lại, khiến họ vất vả chèo chống suốt đêm mà chiếc thì chìm xuống dòng nước lạnh, chiếc thì trôi tấp lên bờ phơi nắng chơ hơ, cho tới giờ ăn vẫn không thể nào qua sông được.

Bấy giờ, tại Tinh xá Kỳ-hoàn có người cúng dường chúng Tăng nên Phật còn dừng lại đợi họ. Những người trẻ tuổi trong các Tỳ-kheo đều nói: “Đức Thế Tôn hôm nay xuất hành sao mà muộn quá, sợ rằng các ngoại đạo sẽ chiếm được chỗ ngồi đầu mất”.

Thế nhưng, đến giờ, Thế Tôn khoác y, cầm bát uy nghi ung dung cùng với đại chúng đi đến bờ sông.

Các ngoại đạo thấy thế đều bảo nhau: “Chúng ta suốt đêm tạo các phương tiện khổ sở như vậy mà không thể qua sông được thì các Sa-môn đầu trọc này làm sao qua được”.

Khi ấy, Phật bảo Tôn giả Mục-liên: “Ông tự biết phải làm cách nào cho các Tỳ-kheo qua sông được yên ổn”.

Thế rồi, Mục-liên bèn dùng thần lực tạo ra một chiếc cầu thất bảo, dùng các thứ châu báu làm lan can, kết thất bảo làm dây giăng ở trên, làm mưa các loại hoa quý, thổi âm nhạc vi diệu, đốt các hương thơm khiến khói hương tỏa ra như mây phủ. Các ngoại đạo thấy chiếc cầu như thế đều rất hoan hỷ, mỗi phái đều tự bảo nhau: “Các Sa-môn này từ từ mà đến, vậy chúng ta phải qua sông trước để chiếm chỗ số một”.

Họ liền tranh nhau chạy vội lên cầu, vì ai cũng muốn qua trước nên chen lấn nhau lên cầu khiến cho tất cả đều rơi tòm xuống nước. Các vật dụng của ngoại đạo như y phục, gậy có ba khác, bình nước đều rơi xuống nước trôi nổi ngổn ngang. Nhưng do thần lực của Thế Tôn khiến cho không ai bị chết cả. Thế rồi, Đức Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo uy nghi tuần tự nghiêm nhiên tiến lên, Phật đi đầu còn các Tỳ-kheo đi theo thứ tự. Khi Phật và các Tỳ-kheo qua xong đến người cuối cùng thì Mục-liên liền làm cho chiếc cầu báu biến mất.

Phật bèn bảo Mục-liên: “Ông hãy làm cho con sông trở lại bình thường như trước”.

Bấy giờ, các ngoại đạo mới chèo thuyền bè lục tục qua sông.  
 Khi ấy, Phật đứng trên bờ ngoái lại nhìn họ đọc kệ:

*“Những ai qua bờ trước,  
 Đều vượt biển sanh tử  
 Không bị đời chôn vùi  
 Chánh trí qua bờ kia”.*

Phật đọc kệ xong ung dung đến tòa ngồi. Các Tỳ-kheo cũng ngồi theo thứ tự. Còn các ngoại đạo vì qua sông sau nên đến ngồi tiếp sau các Tỳ-kheo.

Bấy giờ, các đàn-việt tự tay bưng các thức ẩm thực lên cúng dường Thế Tôn và các đệ tử. Khi ấy, các Tỳ-kheo trong tâm sinh nghi về việc Đức Thế Tôn chế giới không được ăn nhiều lần mà sao chúng ta lại được ăn lại, liền đứng dậy bạch với Phật. Phật dạy: “Ta cho phép làm phép thí thực, nói như sau: “Tôi nay nhận được vật thực này xin cúng lại cho Tỳ-kheo Mỗ giáp... cho đến Sa-di ni. Nếu vị ấy không nhận, tôi sẽ dùng”. Nói ba lần như vậy”.

Bấy giờ, các đàn-việt mỗi người đều suy nghĩ: “Ai nên chú nguyện đây?”. Thế rồi có người thì bảo là Ni-kiền-tử, người thì nói Bất-lan-ca-diếp v.v... đề nghị các ngoại đạo như thế chú nguyện. Thế nhưng nhiều người khác nói: “Sa-môn Cù-đàm ngồi trên hết, đáng được chú nguyện”. Lúc ấy, Đức Thế Tôn ở giữa chín mươi sáu giáo phái ngoại đạo, không tự cho mình cao quý, không coi thường người khác, tùy thuận chú nguyện, như trong Sanh Kinh đã nói rõ. Đoạn Thế Tôn tùy thuận thuyết pháp rộng rãi cho mọi người, dạy bảo khiến họ được lợi ích, hoan hỷ rồi họ từ giã ra đi. Rồi Phật trở lại Kỳ-hoàn truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

***“Nếu Tỳ-kheo ăn nhiều lần trong ngày - trừ khi khác - phạm Ba-dạ-đề. Khi khác là khi bệnh, khi may y. Đó gọi là khi khác”.***

***Giải Thích:***

Ăn nhiều lần: Ăn rồi ăn nữa.

Trừ khi khác: Trừ khi có bệnh.

Bệnh: Bệnh nhiệt, bệnh phong, lạnh, nói chung gặp các bệnh như vậy mà ăn rồi ăn lại thân thể được an ổn thì không có tội.

Thời của y: Nếu không thọ y Ca-thi-na thì trong vòng một tháng. Nếu có thọ y Ca-thi-na thì trong vòng năm tháng. Trong khoảng thời gian đó được xả năm điều cấm kỵ không có tội. Năm việc đó là: Được

ăn riêng chúng; được ăn rồi ăn lại; khi rời trú xứ không cần bạch với người khác; được cất y lâu ngày; ngủ nghỉ được rời y.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo phải biết số ngày nào cần làm pháp thí thực, biết số tuổi hạ, nhớ y đã thọ trì được bao lâu, khi nào được ăn riêng chúng, có bệnh hay không bệnh. Nếu có người hỏi: “Hôm nay là ngày mấy?”, thì không được hỏi lại họ: “Hôm qua là ngày mấy?”, mà phải biết hôm đó là ngày mồng một, hay mồng hai trong tháng, cho đến ngày mười bốn, mười lăm, lại phải biết rõ là tháng đủ hay tháng thiếu.

Tỳ-kheo mỗi sáng nên nhớ đến pháp thí thực: “Nếu hôm nay được thực phẩm ta sẽ cúng dường cho Mỗ giáp. Nếu Mỗ giáp không nhận ta sẽ dùng”. Nói ba lần như vậy. Hằng ngày Tỳ-kheo nên nhớ mình đã được bao nhiêu tuổi hạ, nên nhớ thọ trì ba y, và y nào không thọ trì thì phải tịnh thí, lại phải nhớ khi nào được ăn riêng chúng, hoặc có bệnh hoặc là không có bệnh.

Mức độ một bữa ăn của Tỳ-kheo là bao nhiêu? Nếu cơm tẻ thì ba bát, bún hai bát, hoặc một bát gạo nấu thành cơm, thêm một bát hay nửa bát cá thịt nữa. Đó là mức độ một trong những bữa ăn của Tỳ-kheo.

Nếu thức ăn nấu được tại chùa mà chưa chín, rồi Tỳ-kheo lấy bột khuấy thành nước uống, thì phạm giới ăn nhiều lần thuộc tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu làm phép thí thực, hoặc bệnh thì không phạm, hoặc thời của y cũng không phạm.

Nếu ở bên ngoài có người mời thọ trai, rồi Tỳ-kheo lúc ấy nhờ người đi lấy thức ăn, nhưng thức ăn chưa đem về mà vì đói bụng nên Tỳ-kheo lấy bột khuấy thành nước định uống, thì thức ăn vừa đem về. Nếu Tỳ-kheo lấy thức ăn về mà biết giới luật thì nên dừng một lát đợi Tỳ-kheo kia làm phép thí thực xong mới trao cho thức ăn. Trái lại, nếu Tỳ-kheo đem thức ăn về không rành giới luật, liền trao ngay thức ăn cho Tỳ-kheo ấy, rồi Tỳ-kheo ấy chưa làm phép thí thực mà ăn liền thì trong khi đang ngậm cơm Tỳ-kheo ấy nên đọc phép thí thực, tức là dùng tội nhẹ đổi tội nặng.

Nếu Tỳ-kheo đến nhà đàn-việt, rồi đàn-việt nói: “Thưa thầy, bữa nay mời thầy ở lại thọ trai”. Đó gọi là nơi thọ trai.

Khi ấy, Tỳ-kheo suy nghĩ: “Cơm ở đây chưa chín, bây giờ ta nên đi đến nhà khác”, thì khi ấy nên nói với chủ nhà rồi mới đi, nếu không nói mà đi, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu tới nhà kia được năm thức ăn chánh hoặc năm thức ăn tạp mà ăn, thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Trái lại, gặp trường hợp được phép ăn nhiều lần trong ngày, được phép rời khỏi trú

xử mà không cần bạch, hoặc bị bệnh, hoặc đã làm phép thí thực rồi mới ăn thì không có tội, hoặc thời của y thì cả hai đều không có tội.

Nếu đàn-việt nói như sau: “Thưa thầy, nếu lúc nào không có thức ăn, xin thầy đến nhà con thọ trai”.

Rồi một hôm Tỳ-kheo đến nhà ấy nói thế này: “Bà cụ, hôm nay tôi sẽ thọ trai tại đây”.

Đoạn Ưu-bà-di nói: “Lành thay, con sẽ chuẩn bị”.

Nếu thức ăn chưa chín mà Tỳ-kheo muốn đi tới nhà khác thì phải nói với chủ nhà rồi mới đi. Nếu không nói mà đi thì phạm tội như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đi khát thực tuần tự đến một nhà kia, rồi đàn-việt nói: “Hôm nay nhà con mời các Tỳ-kheo thọ trai, xin mời thầy cùng ở lại đây chớ có đi nơi khác”. Nếu Tỳ-kheo nhận lời mời tức là được xem như ăn tại đó. Nhưng nếu Tỳ-kheo khát thực này nhận lời mời rồi, liền suy nghĩ: “Ai lại nhận lời người ta mời mình ăn một cách bất đắc dĩ, thế rồi muốn bỏ đi, thì nên báo cho họ biết. Nếu không báo cho họ biết mà bỏ đi thì phạm tội như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo có công đức và danh vọng lớn được nhiều người mang thức ăn đến cúng, vì muốn được lòng đàn-việt nên thọ nhận tất cả thì phạm giới ăn nhiều lần thuộc tội Ba-dạ-đề. Nếu như làm pháp thí thực, hoặc bị bệnh thì không có tội, hoặc thời của y, cả hai đều không có tội.

Có hai Tỳ-kheo, mỗi người đều được một gia đình mời ăn thường xuyên. Nếu Tỳ-kheo thứ nhất nói với Tỳ-kheo thứ hai: “Trưởng lão, hôm nay cùng đến nhà đàn-việt tôi thọ trai” thì Tỳ-kheo thứ hai phải tin cho đàn-việt rồi đi. Nếu không tin mà đi thì như trên đã nói. Trái lại, nếu Tỳ-kheo thứ hai mời Tỳ-kheo thứ nhất thì cũng như thế; bữa ăn của Tỳ-kheo là: Cơm tẻ ba bát, bún hai bát, hoặc một bát gạo nấu thành cơm, và thịt cá chừng một bát hay nửa bát; mỗi mỗi thức ăn trong đó là một bữa ăn của Tỳ-kheo. Nếu tại một nhà hoặc xin được ba thăng, hoặc hai thăng, hoặc một thăng, hoặc nửa thăng, tùy xin được nhiều bao nhiêu đều không có tội. Nếu tại một nhà được ba bát cơm tẻ, hai bát bún, hoặc một bát gạo nấu thành cơm thêm thịt cá chừng một bát hay nửa bát thì không được nhận thêm ở chỗ khác nữa. Trong trường hợp này, thế nào là phạm? Thế nào là không phạm? Nếu cháo vừa mới múc ra khỏi nồi mà viết thành chữ được (nghĩa là nó không liền lại với nhau) thì phạm. Nếu viết không thành chữ thì không phạm. Tất cả rau, tất cả bún, tất cả bánh, tất cả trái cây đều không thuộc loại cấm ăn nhiều lần



---

trong ngày, không thuộc loại cấm ăn biệt chúng, không thể ăn no được, nên cất chứa nhiều trong nhà không phạm, thế nên nói. (như trên)